

Số: 567/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 14 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh
và UBND các huyện, thị xã, thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

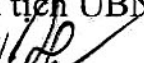
Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (vụ CCHC);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh (b/c);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCHC, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Võ Ngọc Thành


**Bảng 1****Chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành tỉnh**Ban hành kèm theo Quyết định số: 967/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
I	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC	70		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	14.5		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch CCHC	0.5		
	<i>Ban hành kịp thời (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC của tỉnh): 0.5</i>			
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời: 0</i>			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0.5		
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và có bố trí kinh phí để triển khai: 0.5</i>			
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0</i>			
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC (căn cứ sản phẩm đầu ra đạt được theo kế hoạch của cơ quan, đơn vị)	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
1.2	Báo cáo CCHC định kỳ (02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng và 01 báo cáo năm)	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian theo quy định: 2</i>			
	<i>Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
1.3	Kiểm tra CCHC	2		
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1		
	<i>Đạt tỷ lệ từ 30% số đơn vị trở lên: 1</i>			
	<i>Không đạt tỷ lệ: 0</i>			
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2.5		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ UBND tỉnh giao trong kế hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh trong năm: 1</i>			
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5</i>			
1.5	Tiến độ, chất lượng thực hiện công việc, nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, đảm bảo chất lượng và thời gian			
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định: 1			
1.6	Kết quả quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	2		
	Thực hiện có hiệu quả (đạt điểm tối đa các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5): 2			
	Không đạt một trong các tiêu chí trên: 0			
1.7	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới trong triển khai công tác CCHC	2		
	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới, được áp dụng tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc mang lại hiệu quả trong thực tế: 2			
	Không đề xuất: 0			
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	7		
2.1	Xây dựng văn bản QPPL	2		
2.1.1	Xây dựng văn bản QPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1		
	100% số văn bản xây dựng đúng tiến độ: 1			
	Dưới 100% số văn bản xây dựng đúng tiến độ: 0			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thâm định
	<i>100% số văn bản ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số văn bản ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 0</i>			
2.2	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	3		
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>			
	<i>Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>			
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
2.3	Rà soát văn bản QPPL	2		
2.3.1	Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL của cơ quan, đơn vị	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>			
	<i>Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>			
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát văn bản QPPL	1		

	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	6.5		
3.1	Rà soát, đánh giá TTHC	3		
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của cơ quan, đơn vị	1		
	<i>Có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và có ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 1</i> <i>Không có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và không ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0</i>			
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i> <i>Không hoàn thành: 0</i>			
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1.5		
3.2.1	Niềm yết, công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, Danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 0.25</i>			
	<i>Bộ TTHC: 0.25</i>			
	<i>Điện thoại, đường dây nóng: 0.25</i>			
	<i>Hộp thư góp ý: 0.25</i>			
3.2.2	Công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	0.5		
	<i>100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0</i>			
3.3	Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	2		
3.3.1	Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và đường dây nóng; thực hiện tiếp nhận PAKN của công dân, tổ chức đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không thực hiện việc tiếp nhận PAKN: 0</i>			
3.3.2	Xử lý, giải quyết PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 1</i>			



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

Điểm
tối đa

Điểm tự
đánh
giá

Điểm
thẩm
định

100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0

CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

7

4.1

Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc

1

4.1.1

Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc

0.5

Thực hiện đúng quy định: 0.5

Thực hiện chưa đúng quy định: 0

4.1.2

Ban hành Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc

0.5

100% cơ quan, đơn vị có ban hành theo quy định: 0.5

Dưới 100% cơ quan, đơn vị có ban hành theo quy định: 0

4.2

Rà soát, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc

2

4.2.1

Thực hiện rà soát, kiểm tra tại các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc

1

Có kế hoạch và rà soát, kiểm tra từ 30% số phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc trở lên: 1

Không ban hành hoặc có ban hành kế hoạch rà soát, kiểm tra nhưng tỷ lệ kiểm tra dưới 30% số phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc: 0


4.2.2

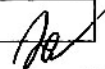
Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra

1

100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
4.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1.5		
	<i>Hoàn thành vượt mức kế hoạch: 1</i>			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5</i>			
	<i>Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0</i>			
4.4	Thực hiện các quy định phân cấp	2.5		
4.4.1	Thực hiện các quy định phân cấp về thẩm quyền quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị	0.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0</i>			
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho UBND cấp huyện	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			

	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (CBCCVC)	5		
5.1	Thực hiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức	1		
5.1.1	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo Đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị	0.5		
	<i>Thực hiện đúng 100%: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện chưa đúng: 0</i>			
5.1.2	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp tỉnh	0.5		
	<i>Thực hiện đúng 100%: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện chưa đúng: 0</i>			
5.2	Thực hiện quy định về quản lý CBCCVC	1		
5.2.1	Bổ nhiệm và giải quyết các chế độ, chính sách cho CBCCVC	0.5		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>			
5.2.2	Đánh giá, phân loại CCVC trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và báo cáo đúng thời gian quy định	0.5		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
5.3	Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ	1		
5.3.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	0.5		
	<i>Có ban hành: 0.5</i>			
	<i>Không ban hành: 0</i>			
5.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	0.5		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5</i>			
	<i>Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0</i>			
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	2		
5.4.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định: 0</i>			
5.4.2	Tỷ lệ CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	1		
	<i>100% số CBCCVC tham gia đầy đủ theo triệu tập của cơ quan có thẩm quyền: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số CBCCVC tham gia đầy đủ theo triệu tập của cơ quan có thẩm quyền: 0</i>			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4		



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Tỷ lệ đơn vị hành chính trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ	1		
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 1			
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 0			
6.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 115/2007/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ	1		
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 1			
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 0			
6.3	Báo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh	1		
	Đủ số lượng và đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định: 1			
	Không đủ số lượng hoặc không đảm bảo về nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0			
6.4	Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm	1		
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1			

Handwritten signature

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian quy định: 0</i>			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	17		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	13.5		
7.1.1	Ban hành kế hoạch và báo cáo ứng dụng CNTT của cơ quan, đơn vị	1		
	<i>Ban hành kịp thời (trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch) và báo cáo đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời hoặc báo cáo không đúng thời gian quy định: 0</i>			
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CNTT	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
7.1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử	1		
	<i>Đạt từ 80% trở lên số văn bản (trừ văn bản Mật): 1</i>			
	<i>Dưới 80% số văn bản (trừ văn bản Mật): 0</i>			
7.1.4	Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	2		
	<i>Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên văn bản đến được số hóa và xử lý trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành: 0.5</i>			




	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Chỉ số tỷ lệ từ 90% trở lên văn bản đi được số hóa và xử lý trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành: 0.5			
	Lãnh đạo cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện xử lý văn bản trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành: 0.5			
	Triển khai hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành đến 100% phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc: 0.5			
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của CBCCVC	1		
	Từ 90% số CBCCVC trở lên thường xuyên sử dụng: 1			
	Dưới 90% số CBCCVC thường xuyên sử dụng: 0			
7.1.6	Ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử	1		
	100% văn bản điện tử được ứng dụng chữ ký số: 1			
	Dưới 100% văn bản điện tử được ứng dụng chữ ký số: 0			
7.1.7	Chất lượng Công/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị	1		
	Kịp thời, đầy đủ của thông tin: 0.5			
	Thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin: 0.5			
7.1.8	Mức độ triển khai dịch vụ công trực tuyến	2		
	Tất cả các dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc được cung cấp mức độ 1, 2: 1			
	Có từ 40% trở lên tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3: 0.5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Có từ 30% trở lên tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4: 0.5</i>			
7.1.9	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	1		
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ: 1</i>			
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ: 0,5</i>			
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>			
7.1.10	Tỷ lệ CBCCVC được trang bị máy vi tính	1		
	<i>100% CBCCVC được trang bị máy vi tính: 1</i>			
	<i>Dưới 100% CBCCVC được trang bị máy vi tính: 0</i>			
7.1.11	Tỷ lệ máy vi tính được cài phần mềm chống Virus có bản quyền	0.5		
	<i>Từ 80% trở lên máy vi tính được cài phần mềm chống Virus có bản quyền: 0.5</i>			
	<i>Dưới 80% máy vi tính được cài phần mềm chống Virus có bản quyền: 0</i>			
7.1.12	Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT của cơ quan, đơn vị	1		
	<i>Có bố trí: 1</i>			
	<i>Không bố trí: 0</i>			
7.2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	3.5		
7.2.1	Có chứng nhận hoặc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>100% cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc có chứng nhận: 1</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc có chứng nhận: 0</i>			
7.2.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	0.5		
	<i>100% cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện: 0</i>			
7.2.3	Thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>100% cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định: 1</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng quy định: 0</i>			
7.2.4	Báo cáo hàng năm việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 vào hoạt động quản lý của cơ quan, đơn vị	1		
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ: 1</i>			
	<i>Không hiện không đúng hoặc không đầy đủ: 0</i>			
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9		
8.1	Số lượng TTHC của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1		
	<i>100% số TTHC: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
8.2	Kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>100% hồ sơ TTHC được giải quyết sớm hoặc đúng hạn: 1</i>			
	<i>Dưới 100% hồ sơ TTHC được giải quyết sớm hoặc đúng hạn: 0</i>			
8.3	Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	3		
8.3.1	Bố trí công chức và thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1		
	<i>Thực hiện đúng theo quy định: 1</i>			
	<i>Không thực hiện đúng theo quy định: 0</i>			
8.3.2	Trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	<i>Đảm bảo đầy đủ yêu cầu theo quy định: 1</i>			
	<i>Không đáp ứng yêu cầu theo quy định: 0</i>			
8.3.3	Tỷ lệ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được đưa vào xử lý trên phần mềm một cửa điện tử	1		
	<i>100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm một cửa điện tử: 1</i>			
	<i>Dưới 100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm một cửa điện tử: 0</i>			
8.4	Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1.5		



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Thực hiện đúng các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi) theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>			
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>			
8.4.2	Việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi)	0.5		
	<i>Đầy đủ, chính xác: 0.5</i>			
	<i>Chưa đầy đủ, chính xác: 0</i>			
8.5	Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc (nếu có)	1		
	<i>100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 1</i>			
	<i>Dưới 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 0</i>			
8.6	Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc trong việc triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.5		
8.6.1	Ban hành quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5		
	<i>Có ban hành: 0.5</i>			
	<i>Không ban hành: 0</i>			
8.6.2	Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tạo điều kiện cho tổ chức, công dân giám sát	1		
	<i>Thực hiện đầy đủ: 1</i>			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Không thực hiện đầy đủ: 0</i>			
II	ĐIỂM TRỪ	10		
1	Kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	1		
	<i>Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao</i>			
2	Tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC mới, TTHC sửa đổi hoặc bãi bỏ của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Không đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC mới, TTHC sửa đổi hoặc bãi bỏ đầy đủ, kịp thời trong thời gian quy định</i>			
3	Kỷ luật, kỷ cương hành chính của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Có tập thể, CBCCVC vi phạm</i>			
4	Kết quả tự chấm điểm chỉ số CCHC hằng năm và thời gian gửi kết quả tự chấm về Sở Nội vụ	1		
	<i>Điểm tự chấm của cơ quan, đơn vị không chính xác 100% so với kết quả thẩm định hoặc gửi không đúng thời gian quy định</i>			
5	Công khai, niêm yết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc trên Công/Trang thông tin điện tử	1		
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc cập nhật, công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, Công/Trang thông tin điện tử</i>			
6	Kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Có từ 01 hồ sơ TTHC trong năm giải quyết trễ hạn</i>			



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Việc ban hành văn bản xin lỗi công dân đối với các trường hợp hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1		
	<i>Có từ 01 hồ sơ TTHC trở lên trong năm giải quyết trễ hạn nhưng không ban hành văn bản xin lỗi tổ chức, công dân</i>			
8	Công tác báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất về thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo quy định	1		
	<i>Không đủ số lượng báo cáo hoặc nội dung báo cáo không đảm bảo hoặc gửi không đúng thời gian quy định</i>			
9	Việc lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh	1		
	<i>Không thực hiện đúng theo quy định</i>			
10	Ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đối với cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ	1		
	<i>Không ban hành, không thực hiện đúng theo quy định</i>			
III	ĐIỂM ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	30		
	Tác động đến tình hình giải quyết TTHC			
1	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc		ĐTXHH	

AK

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thâm định
2	Đánh giá về sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin để giải quyết hồ sơ, TTHC tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc (tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến người dân...)		ĐTXHH	
3	Thực hiện đúng việc tiếp nhận các loại giấy tờ theo TTHC của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc đã quy định		ĐTXHH	
4	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC cơ quan, đơn vị cung cấp		ĐTXHH	
5	Thực hiện quy định về thu phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
6	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC tại cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
7	Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
	Tác động đến đội ngũ công chức (người được giao nhiệm vụ) giải quyết TTHC			
8	Năng lực giải quyết hồ sơ, TTHC của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		ĐTXHH	
9	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
10	Trang phục, thể công chức của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả khi tiếp nhận hồ sơ, TTHC của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
11	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức giải quyết hồ sơ, TTHC		ĐTXHH	
	Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh			


	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Đánh giá mức độ phù hợp với tình hình thực tế của các văn bản QPPL do các cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng		ĐTXHH	
13	Đánh giá tính khả thi của các văn bản QPPL do các cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng		ĐTXHH	
14	Đánh giá tính hiệu quả, ổn định của các văn bản QPPL do các cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng		ĐTXHH	
15	Đánh giá tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
16	Đánh giá về công tác chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
17	Đánh giá chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
18	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
	Tác động đến cải cách tổ chức bộ máy			
19	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
20	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa cấp tỉnh và huyện		ĐTXHH	
	Tác động đến hiện đại hóa hành chính			
21	Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ các thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
22	Đánh giá về mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	

**Bảng 2**

Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thị xã, thành phố (viết gọn là UBND cấp huyện)
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 567/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
I	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC	70		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	14.5		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	2		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch CCHC	0.5		
	<i>Ban hành kịp thời (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC của tỉnh): 0.5</i>			
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời: 0</i>			
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC	0.5		
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ và có bố trí kinh phí để triển khai: 0.5</i>			
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0</i>			
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC (căn cứ sản phẩm đầu ra đạt được theo kế hoạch của cấp huyện)	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
1.2	Báo cáo CCHC định kỳ (02 báo cáo quý, 01 báo cáo 6 tháng và 01 báo cáo năm)	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian theo quy định: 2</i>			
	<i>Không đáp ứng yêu cầu về số lượng hoặc nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
1.3	Kiểm tra CCHC	2		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm	1		
	<i>Đạt tỷ lệ từ 30% số đơn vị trở lên: 1</i>			
	<i>Không đạt tỷ lệ: 0</i>			
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2.5		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ việc tuyên truyền trên các kênh truyền thống của cấp huyện: 1</i>			
	<i>Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5</i>			
1.5	Tiến độ, chất lượng thực hiện công việc, nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	2		



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Thực hiện 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, đảm bảo chất lượng và thời gian</i>			
	<i>Hoàn thành từ 80% - dưới 100% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định: 1</i>			
1.6	Kết quả quản lý, điều hành của người đứng đầu UBND cấp huyện	2		
	<i>Thực hiện có hiệu quả (đạt điểm tối đa các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5): 2</i>			
	<i>Không đạt một trong các tiêu chí trên: 0</i>			
1.7	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới trong triển khai công tác CCHC	2		
	<i>Có đề xuất giải pháp, cách làm mới, được áp dụng tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã và mang lại hiệu quả trong thực tế: 2</i>			
	<i>Không đề xuất: 0</i>			
2	XÂY DỰNG, BAN HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL TẠI UBND CẤP HUYỆN	7		
2.1	Xây dựng, ban hành văn bản QPPL	2		
2.1.1	Xây dựng, ban hành văn bản QPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	1		
	<i>100% số văn bản xây dựng đúng tiến độ: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số văn bản xây dựng đúng tiến độ: 0</i>			
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng, ban hành văn bản QPPL	1		
	<i>100% số văn bản ban hành trong năm được xây dựng, ban hành đúng quy trình: 1</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Dưới 100% số văn bản ban hành trong năm được xây dựng, ban hành đúng quy trình: 0</i>			
2.2	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	3		
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>			
	<i>Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>			
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
2.3	Rà soát văn bản QPPL	2		
2.3.1	Báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL của UBND cấp huyện	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>			
	<i>Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0</i>			
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát văn bản QPPL	1		



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần		Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	6.5		
3.1	Rà soát, đánh giá TTHC	3		
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND cấp huyện	1		
	<i>Có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và có ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Không có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và không ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0</i>			
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
3.2	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1.5		
3.2.1	Niên yết, công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		

Ph

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, Danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 0.25</i>			
	<i>Bộ TTHC: 0.25</i>			
	<i>Điện thoại, đường dây nóng: 0.25</i>			
	<i>Hộp thư góp ý: 0.25</i>			
3.2.2	Công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	0.5		
	<i>100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0</i>			
3.3	Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2		
3.3.1	Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và đường dây nóng; thực hiện tiếp nhận PAKN của công dân, tổ chức đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không thực hiện việc tiếp nhận PAKN: 0</i>			
3.3.2	Xử lý, giải quyết PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		


	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Trên 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0</i>			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	7		
4.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
4.1.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>			
4.1.2	Ban hành Quy chế làm việc của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5		
	<i>100% đơn vị có ban hành theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% đơn vị có ban hành theo quy định: 0</i>			
4.2	Rà soát, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2		
4.2.1	Thực hiện rà soát, kiểm tra tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>Có kế hoạch và rà soát, kiểm tra từ 30% số đơn vị trở lên: 1</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Không ban hành hoặc có ban hành kế hoạch rà soát, kiểm tra nhưng tỷ lệ kiểm tra dưới 30% số đơn vị: 0</i>			
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1		
	<i>100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
4.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế của UBND cấp huyện	1.5		
	<i>Hoàn thành vượt mức kế hoạch: 1</i>			
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5</i>			
	<i>Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0</i>			
4.4	Thực hiện các quy định phân cấp	2.5		
4.4.1	Thực hiện các quy định phân cấp về thẩm quyền quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của UBND cấp huyện	0.5		
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0</i>			
4.4.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
4.4.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1		




	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>			
	<i>Được 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>			
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (CBCCVC)	6		
5.1	Thực hiện đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức	1		
5.1.1	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo Đề án vị trí việc làm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	0.5		
	<i>Thực hiện đúng 100%: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện chưa đúng: 0</i>			
5.1.2	Mức độ thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện	0.5		
	<i>Thực hiện đúng 100%: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện chưa đúng: 0</i>			
5.2	Thực hiện quy định về quản lý CBCCVC (tổng hợp cả cấp xã)	1		
5.2.1	Bổ nhiệm và giải quyết các chế độ, chính sách cho CBCCVC	0.5		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>			
5.2.2	Đánh giá, phân loại CCVC trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và báo cáo đúng thời gian quy định	0.5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>			
5.3	Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định 158/2007/NĐ-CP của Chính phủ	1		
5.3.1	Ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5		
	<i>Có ban hành: 0.5</i>			
	<i>Không ban hành: 0</i>			
5.3.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	0.5		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5</i>			
	<i>Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0</i>			
5.4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC (tổng hợp cả cấp xã)	2		
5.4.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	1		
	<i>Báo cáo đúng nội dung và đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng nội dung hoặc không đúng thời gian quy định: 0</i>			
5.4.2	Tỷ lệ CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	1		
	<i>100% số CBCCVC tham gia đầy đủ theo triệu tập của cơ quan có thẩm quyền: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số CBCCVC tham gia đầy đủ theo triệu tập của cơ quan có thẩm quyền: 0</i>			


	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Công chức cấp xã	1		
5.5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ cấp xã	0.5		
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
5.5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của công chức cấp xã	0.5		
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4		
6.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ	1		
	<i>100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 0</i>			
6.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 115/2007/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ	1		
	<i>100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 1</i>			



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 0</i>			
6.3	Báo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện	1		
	<i>Đủ số lượng và đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định: 1</i>			
	<i>Không đủ số lượng hoặc không đảm bảo về nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
6.4	Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm	1		
	<i>Thực hiện đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian quy định: 0</i>			
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	16		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT)	12.5		
7.1.1	Ban hành kế hoạch và báo cáo ứng dụng CNTT của UBND cấp huyện	1		
	<i>Ban hành kịp thời (trong quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch) và báo cáo đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Không ban hành hoặc ban hành không kịp thời hoặc báo cáo không đúng thời gian quy định: 0</i>			
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CNTT	1		
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</i>			
	<i>Không hoàn thành: 0</i>			

	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử	1		
	<i>Đạt từ 80% trở lên số văn bản (trừ văn bản Mật): 1</i>			
	<i>Dưới 80% số văn bản (trừ văn bản Mật): 0</i>			
7.1.4	Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2		
	<i>Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên văn bản đến được số hóa và xử lý trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành: 0.5</i>			
	<i>Đạt tỷ lệ từ 90% trở lên văn bản đi được số hóa và xử lý trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành: 0.5</i>			
	<i>Lãnh đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã thực hiện xử lý văn bản trên hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành: 0.5</i>			
	<i>Triển khai hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành đến 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã: 0.5</i>			
7.1.5	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của CBCCVC	1		
	<i>Từ 90% số CBCCVC trở lên thường xuyên sử dụng: 1</i>			
	<i>Dưới 90% số CBCCVC thường xuyên sử dụng: 0</i>			
7.1.6	Ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử	1		
	<i>100% văn bản điện tử được ứng dụng chữ ký số: 1</i>			
	<i>Dưới 100% văn bản điện tử được ứng dụng chữ ký số: 0</i>			
7.1.7	Chất lượng Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Kịp thời, đầy đủ của thông tin: 0.5</i>			
	<i>Thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin: 0.5</i>			
7.1.8	Mức độ triển khai dịch vụ công trực tuyến	2		
	<i>Tất cả các dịch vụ công trực tuyến của UBND cấp huyện được cung cấp mức độ 1, 2: 1</i>			
	<i>Có từ 40% trở lên tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3: 0.5</i>			
	<i>Có từ 30% trở lên tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4: 0.5</i>			
7.1.9	Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	1		
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ: 1</i>			
	<i>Thực hiện chưa đầy đủ: 0,5</i>			
	<i>Chưa thực hiện: 0</i>			
7.1.10	Tỷ lệ CBCCVC được trang bị máy vi tính	0.5		
	<i>100% CBCCVC được trang bị máy vi tính: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% CBCCVC được trang bị máy vi tính: 0</i>			
7.1.11	Tỷ lệ máy vi tính được cài phần mềm chống Virus có bản quyền	0.5		
	<i>Đạt từ 80% trở lên máy vi tính được cài phần mềm chống Virus có bản quyền: 0.5</i>			
	<i>Dưới 80% máy vi tính được cài phần mềm chống Virus có bản quyền: 0</i>			
7.1.12	Bố trí cán bộ chuyên trách CNTT của đơn vị	0.5		

	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	0.5 <i>Không bố trí: 0</i>			
7.2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	3.5		
7.2.1	Có chứng nhận hoặc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã có chứng nhận: 1</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã có chứng nhận: 0</i>			
7.2.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	0.5		
	<i>100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã thực hiện: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã thực hiện: 0</i>			
7.2.3	Thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định: 1</i>			




STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Dưới 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã thực hiện đúng quy định: 0</i>			
7.2.4	Báo cáo hàng năm việc áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 vào hoạt động quản lý của UBND cấp huyện (tổng hợp cả cấp xã)	1		
	<i>Thực hiện đúng, đầy đủ: 1</i>			
	<i>Không hiện không đúng hoặc không đầy đủ: 0</i>			
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9		
8.1	Số lượng TTHC của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1		
	<i>100% số TTHC: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số TTHC: 0</i>			
8.2	Kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>100% hồ sơ TTHC được giải quyết sớm hoặc đúng hạn: 1</i>			
	<i>Dưới 100% hồ sơ TTHC được giải quyết sớm hoặc đúng hạn: 0</i>			
8.3	Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	3		
8.3.1	Bố trí công chức và thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1		



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thâm định
	<i>Thực hiện đúng theo quy định: 1</i>			
	<i>Không thực hiện đúng theo quy định: 0</i>			
8.3.2	Trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>Đảm bảo đầy đủ yêu cầu theo quy định: 1</i>			
	<i>Không đáp ứng yêu cầu theo quy định: 0</i>			
8.3.3	Tỷ lệ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được đưa vào xử lý trên phần mềm một cửa điện tử	0.5		
	<i>100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm một cửa điện tử: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm một cửa điện tử: 0</i>			
8.3.4	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông hiện đại (Một cửa điện tử)	0.5		
	<i>100% đơn vị cấp xã đã triển khai thực hiện: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% đơn vị cấp xã đã triển khai thực hiện: 0</i>			
8.4	Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1.5		
8.4.1	Thực hiện đúng các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi) theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>			
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thâm định
8.4.2	Việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi)	0.5		
	<i>Đầy đủ, chính xác: 0.5</i>			
	<i>Chưa đầy đủ, chính xác: 0</i>			
8.5	Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã (nếu có)	1		
	<i>Thực hiện 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi của cơ quan, đơn vị: 1</i>			
	<i>Dưới 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi của cơ quan, đơn vị: 0</i>			
8.6	Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã trong việc triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.5		
8.6.1	Ban hành quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5		
	<i>Có ban hành: 0.5</i>			
	<i>Không ban hành: 0</i>			
8.6.2	Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã tạo điều kiện cho tổ chức, công dân giám sát	1		
	<i>Thực hiện đầy đủ: 1</i>			
	<i>Không thực hiện đầy đủ: 0</i>			
II	ĐIỂM TRỪ	10		



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Kết quả thực hiện công việc, nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	1		
	<i>Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ được UBND tỉnh giao</i>			
2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã có chứng nhận hoặc công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	1		
	<i>Dưới 100% cơ quan, đơn vị có chứng nhận</i>			
3	Kỷ luật, kỷ cương hành chính của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>Có tập thể, CBCCVV vi phạm</i>			
4	Kết quả tự chấm điểm chỉ số CCHC hằng năm và thời gian gửi kết quả tự chấm về Sở Nội vụ	1		
	<i>Điểm tự chấm của địa phương không chính xác 100% so với kết quả thẩm định hoặc gửi không đúng thời gian quy định</i>			
5	Cập nhật, công khai, niêm yết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện	1		
	<i>Dưới 100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã, cập nhật, công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện</i>			
6	Kết quả giải quyết hồ sơ, TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	<i>Có từ 01 hồ sơ TTHC trong năm giải quyết trễ hạn</i>			
7	Việc ban hành văn bản xin lỗi công dân đối với các trường hợp hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hạn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1		
	<i>Có từ 01 hồ sơ TTHC trở lên trong năm giải quyết trễ hạn nhưng không ban hành văn bản xin lỗi tổ chức, công dân</i>			
8	Công tác báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất về thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo quy định	1		
	<i>Không đủ số lượng báo cáo hoặc nội dung báo cáo không đảm bảo hoặc gửi không đúng thời gian quy định</i>			
9	Việc lấy ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp đối với các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND huyện	1		
	<i>Không thực hiện đúng theo quy định</i>			
10	Ban hành và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tại đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ	1		
	<i>Không ban hành, không thực hiện đúng theo quy định</i>			
III	ĐIỂM ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	30		
	Tác động đến tình hình giải quyết TTHC			
1	Đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị			ĐTXHH
2	Đánh giá về sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin để giải quyết hồ sơ, TTHC tại cơ quan, đơn vị (tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến người dân...)			ĐTXHH



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
	Thực hiện đúng việc tiếp nhận các loại giấy tờ theo TTHC của cơ quan, đơn vị đã quy định		ĐTXHH	
4	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC cơ quan, đơn vị cung cấp		ĐTXHH	
5	Thực hiện quy định về thu phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
6	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC tại cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
7	Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
	Tác động đến đội ngũ công chức (người được giao nhiệm vụ) giải quyết TTHC			
8	Năng lực giải quyết hồ sơ, TTHC của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		ĐTXHH	
9	Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
10	Trang phục, thể công chức của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả khi tiếp nhận hồ sơ, TTHC của cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
11	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức giải quyết hồ sơ, TTHC		ĐTXHH	
	Tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh			
12	Đánh giá mức độ phù hợp với tình hình thực tế của các văn bản QPPL do các địa phương tham mưu xây dựng		ĐTXHH	
13	Đánh giá tính khả thi của các văn bản QPPL do các địa phương tham mưu xây dựng		ĐTXHH	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định
14	Đánh giá tính hiệu quả, ổn định của các văn bản QPPI. do các địa phương tham mưu xây dựng		ĐTXHH	
15	Đánh giá tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của các địa phương		ĐTXHH	
16	Đánh giá về công tác chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu các địa phương		ĐTXHH	
17	Đánh giá chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành của các địa phương		ĐTXHH	
18	Tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành của các địa phương		ĐTXHH	
	Tác động đến cải cách tổ chức bộ máy			
19	Tính hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị		ĐTXHH	
20	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa cấp tỉnh và huyện		ĐTXHH	
	Tác động đến hiện đại hóa hành chính			
21	Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ các thông tin được cung cấp trên Trang thông tin điện tử của các địa phương		ĐTXHH	
22	Đánh giá về mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Trang thông tin điện tử của các địa phương		ĐTXHH	